

Bản án số: **96/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 25-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng.

Ông Đoàn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thùy D, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 20, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Châu Xuân P, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lâm Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thùy D và anh Châu Xuân P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 25-10-2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Chị D và anh P có 01 con chung tên Châu Tường V (nữ), sinh ngày 05-12-2011; hiện chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con.

Về tài sản chung: Sau khi ly hôn, chị D và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Châu Xuân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất với lời trình bày của chị D về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Châu Tường V (nữ), sinh ngày 05-12-2011; hiện nay chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh P đồng ý giao Tường V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh P thống nhất tự thỏa thuận với chị D về tài sản chung và xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thùy D và anh Châu Xuân P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 25-10-2010 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[2] Tại phiên tòa, chị D và anh P thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là trên tinh thần tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị D và anh P thống nhất thỏa thuận giao con chung là Châu Tường V (nữ), sinh ngày 05-12-2011 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên đương sự là trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và phù hợp với các điều kiện đảm bảo nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi dưỡng con chung nên được chấp nhận. Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị D và anh P đều không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[4] Chị D và anh P thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, quá trình chung sống không có nợ người khác và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Lâm Thùy D tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thùy D và anh Châu Xuân P.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Châu Tường V (nữ), sinh ngày 05-12-2011 cho chị Lâm Thùy D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Châu Xuân P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lâm Thùy D và anh Châu Xuân P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thùy D chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 22 tháng 5 năm 2018, chị D đã dự nộp án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng tại biên lai số 0011978 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lâm Thùy D và anh Châu Xuân P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út